

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 23/2012/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 09 tháng 8 năm 2012

THÔNG TƯ**Quy định về chế độ điều hòa tiền mặt, giao dịch tiền mặt**

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 96/2008/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 40/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về nghiệp vụ phát hành tiền; bảo quản, vận chuyển tài sản quý và giấy tờ có giá trong hệ thống Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phát hành và Kho quỹ;

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định về chế độ điều hòa tiền mặt, giao dịch tiền mặt.

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về chế độ điều hòa tiền mặt trong hệ thống Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước); giao dịch tiền mặt giữa Ngân hàng Nhà nước với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Kho bạc Nhà nước, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các đơn vị có liên quan thuộc hệ thống Ngân hàng Nhà nước.
2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Kho bạc Nhà nước, tổ chức và cá nhân có liên quan (sau đây gọi chung là khách hàng) trong quan hệ giao dịch tiền mặt với Ngân hàng Nhà nước.

Điều 3. Nghiệp vụ phát hành và điều hòa tiền mặt trong hệ thống Ngân hàng Nhà nước

Ngân hàng Nhà nước thực hiện việc phát hành tiền vào lưu thông và thu tiền từ lưu thông về thông qua hoạt động thu, chi tiền mặt và các hoạt động nghiệp vụ khác của Ngân hàng Nhà nước đối với khách hàng.

Ngân hàng Nhà nước tổ chức điều hòa tiền mặt trong hệ thống Ngân hàng Nhà nước thông qua hoạt động của Quỹ dự trữ phát hành, Quỹ nghiệp vụ phát hành.

Điều 4. Các quỹ tiền mặt trong hệ thống Ngân hàng Nhà nước

1. Ngân hàng Nhà nước lập Quỹ dự trữ phát hành, Quỹ nghiệp vụ phát hành để quản lý tiền dự trữ phát hành và thực hiện nghiệp vụ phát hành tiền đảm bảo đáp ứng nhu cầu tiền mặt của nền kinh tế, nhu cầu tiền dự trữ phát hành, nhu cầu thay thế tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông, tiền đình chỉ lưu hành.

2. Quỹ dự trữ phát hành bao gồm:

- Tiền mới in, đúc nhập từ các cơ sở in, đúc tiền;
- Tiền nhập từ Quỹ nghiệp vụ phát hành bao gồm các loại tiền thu hồi từ lưu thông, kể cả tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông, tiền đình chỉ lưu hành.

Quỹ dự trữ phát hành được quản lý ở các kho tiền Trung ương và các kho tiền Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước chi nhánh).

3. Quỹ nghiệp vụ phát hành bao gồm:

- Tiền nhập từ Quỹ dự trữ phát hành;
- Tiền thu hồi từ lưu thông, kể cả tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông, tiền đình chỉ lưu hành.

Quỹ nghiệp vụ phát hành được quản lý tại kho tiền Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước và các kho tiền Ngân hàng Nhà nước chi nhánh.

**Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ****Mục I
CHẾ ĐỘ ĐIỀU HÒA TIỀN MẶT****Điều 5. Hoạt động xuất, nhập Quỹ dự trữ phát hành**

1. Xuất, nhập giữa Quỹ dự trữ phát hành tại các kho tiền Trung ương với nhau; giữa Quỹ dự trữ phát hành tại kho tiền Trung ương với Quỹ dự trữ phát hành tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh và ngược lại; giữa Quỹ dự trữ phát hành tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh với nhau.

2. Xuất, nhập giữa Quỹ dự trữ phát hành tại Kho tiền Trung ương tại Hà Nội với Quỹ nghiệp vụ phát hành tại Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước.

3. Xuất, nhập giữa Quỹ dự trữ phát hành với Quỹ nghiệp vụ phát hành tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh.

4. Xuất Quỹ dự trữ phát hành tại các kho tiền Trung ương các loại tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông, tiền đình chỉ lưu hành để tiêu hủy.

5. Nhập Quỹ dự trữ phát hành tại các kho tiền Trung ương, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các loại tiền mới được Thủ tướng Chính phủ cho công bố lưu hành (đã được phép phát hành vào lưu thông).

6. Nhập các loại tiền mới in, đúc từ các cơ sở in, đúc tiền về Quỹ dự trữ phát hành tại các kho tiền Trung ương.

Điều 6. Thẩm quyền ký lệnh xuất, nhập Quỹ dự trữ phát hành

1. Cục trưởng Cục Phát hành và Kho quỹ được ký lệnh điều chuyển tiền mặt thuộc Quỹ dự trữ phát hành trong hệ thống Ngân hàng Nhà nước trong các trường hợp quy định tại Khoản 1, 2, 4, 5, 6 Điều 5.

2. Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh được ký lệnh xuất, nhập tiền mặt giữa Quỹ dự trữ phát hành và Quỹ nghiệp vụ phát hành do Ngân hàng Nhà nước chi nhánh quản lý trong các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 5.

Điều 7. Điều hòa Quỹ dự trữ phát hành

Căn cứ nhu cầu thu, chi tiền mặt; diện tích, điều kiện an toàn của kho tiền Ngân hàng Nhà nước chi nhánh; dự báo tình hình thu, chi tiền mặt của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, Cục trưởng Cục Phát hành và Kho quỹ trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt kế hoạch điều chuyển tiền mặt giữa Quỹ dự trữ phát hành tại các kho tiền Trung ương và tổ chức điều chuyển tiền mặt thuộc Quỹ dự trữ phát hành trong hệ thống Ngân hàng Nhà nước.

Điều 8. Hoạt động xuất, nhập Quỹ nghiệp vụ phát hành

1. Tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, Quỹ nghiệp vụ phát hành được xuất, nhập với Quỹ dự trữ phát hành và được thu, chi tiền mặt với khách hàng có quan hệ giao dịch, thanh toán với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh.

2. Tại Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước, Quỹ nghiệp vụ phát hành được xuất, nhập với Quỹ dự trữ phát hành tại Kho tiền Trung ương tại Hà Nội và được thu, chi tiền mặt với khách hàng có quan hệ giao dịch, thanh toán.

Điều 9. Định mức Quỹ nghiệp vụ phát hành

Căn cứ nhu cầu thu, chi tiền mặt, diện tích và điều kiện an toàn của kho tiền Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, kho tiền Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước, định kỳ 3 tháng 1 lần (hoặc đột xuất), Cục trưởng Cục Phát hành và Kho quỹ phê duyệt

định mức tồn Quỹ nghiệp vụ phát hành tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước.

Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước không được để tồn quỹ vượt định mức đã được phê duyệt. Định mức tồn Quỹ nghiệp vụ phát hành chỉ bao gồm các loại tiền đủ tiêu chuẩn lưu thông.

Mục II GIAO DỊCH TIỀN MẶT

Điều 10. Giao dịch tiền mặt

1. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước thực hiện giao dịch tiền mặt đối với khách hàng thông qua hoạt động thu, chi tiền mặt.

2. Trường hợp tổ chức tín dụng có nhiều chi nhánh trên cùng địa bàn, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thực hiện việc giao dịch tiền mặt thông qua đơn vị đầu mối do tổ chức tín dụng lựa chọn trên cơ sở đáp ứng các điều kiện về an toàn kho quỹ, các điều kiện khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

3. Đơn vị đầu mối của tổ chức tín dụng phải đảm bảo đáp ứng nhu cầu thu, chi tiền mặt cho các chi nhánh trên địa bàn.

Điều 11. Quy định về giao dịch tiền mặt

1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Kho bạc Nhà nước giao dịch tiền mặt với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước tối đa 2 lần/ngày và phải thông báo trước thời điểm giao dịch ít nhất 2 giờ. Trường hợp phát sinh nhu cầu khẩn cấp, đột xuất, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, Giám đốc Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Kho bạc Nhà nước.

2. Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, Giám đốc Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn cụ thể về thời gian giao dịch tiền mặt đối với khách hàng; thời điểm ngừng giao dịch cuối ngày để thực hiện việc khóa sổ, kiểm kê Quỹ nghiệp vụ phát hành.

Chương III TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ

Điều 12. Cục Phát hành và Kho quỹ

1. Chịu trách nhiệm trước Thống đốc về kết quả thực hiện công tác điều hoà tiền mặt trong hệ thống Ngân hàng Nhà nước; đảm bảo đáp ứng đủ tiền mặt cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước.

2. Hàng tháng báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước tình hình tiền mặt trong hệ thống Ngân hàng Nhà nước.

3. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

Điều 13. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước

1. Đảm bảo đáp ứng nhu cầu tiền mặt cho khách hàng trên cơ sở số dư tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước.

2. Dự báo tình hình thu, chi tiền mặt hàng quý gửi Cục Phát hành và Kho quỹ (theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư này).

3. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thường xuyên kiểm tra tình hình thu, chi tiền mặt trên địa bàn để xác định cơ cấu các loại tiền mặt chi ra lưu thông.

Điều 14. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

1. Chấp hành các quy định về giao dịch tiền mặt của Ngân hàng Nhà nước.

2. Thực hiện báo cáo thống kê về hoạt động ngân quỹ theo đúng quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 9 năm 2012.

2. Quyết định số 25/2008/QĐ-NHNN ngày 08/9/2008 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Chế độ điều hòa tiền mặt, xuất nhập Quỹ dự trữ phát hành, Quỹ nghiệp vụ phát hành trong hệ thống Ngân hàng Nhà nước hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Điều 16. Tổ chức thực hiện

Chánh văn phòng Ngân hàng Nhà nước, Cục trưởng Cục Phát hành và Kho quỹ, Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc hệ thống Ngân hàng Nhà nước; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng, Giám đốc chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Giám đốc Kho bạc Nhà nước chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC

Đào Minh Tú

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM
CHI NHÁNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MẬT

DỰ BÁO TÌNH HÌNH THU CHI TIỀN MẶT
(Quý..... năm.....)

1. Dự báo tình hình thu, chi tiền mặt:

Đơn vị: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | Thực hiện quý... | | | Dự báo quý... | | |
|---------------------------------|------------------|-------|-------|---------------|-------|-------|
| | Tháng | Tháng | Tháng | Tháng | Tháng | Tháng |
| Tổng thu tiền mặt | | | | | | |
| Tổng chi tiền mặt | | | | | | |
| Bội thu (+) hoặc Bội chi (-) | | | | | | |

2. Đề xuất, kiến nghị (nếu có):

.....
.....
.....
.....

Lập bảng

Kiểm soát

....., ngày..... tháng..... năm.....
Thủ trưởng đơn vị

Yêu cầu:

1. Thời hạn gửi báo cáo: Chậm nhất vào ngày 5 của tháng đầu quý tiếp theo ngay sau quý báo cáo.

2. Hình thức gửi báo cáo: Báo cáo bằng văn bản, thực hiện gửi theo quy định bảo mật.